

QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẢO THẮNG, TỈNH LÀO CAI

Lê Phương Nam^{1*}, Lê Kiên Quyết², Nguyễn Văn Song¹, Nguyễn Thị Bích Hằng¹

¹Học viện Nông nghiệp Việt Nam

²Huyện ủy huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

*Tác giả liên hệ: lephuongnam@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 27.03.2024

Ngày chấp nhận đăng: 24.06.2024

TÓM TẮT

Thuế thu nhập doanh nghiệp có vai trò quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội tại huyện Bảo Thắng. Tuy nhiên, công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đang đối mặt với các vấn đề như hiệu quả tuyên truyền chưa cao, tỷ lệ hồ sơ quyết toán thuế kê khai thiếu, sai để giảm thuế và trốn thuế còn cao, tỷ lệ doanh nghiệp vi phạm và số tiền truy thu thuế vẫn tăng qua các năm. Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp nhỏ và vừa, phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại huyện Bảo Thắng. Nghiên cứu khảo sát 30 cán bộ, lãnh đạo của Chi cục Thuế và 60 doanh nghiệp nhỏ và vừa. Số liệu được phân tích bởi phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh. Kết quả chỉ ra, từ năm 2020 đến 2022, các hoạt động tuyên truyền về thuế đã được đẩy mạnh nhưng hiệu quả chưa cao, thiếu các phương pháp tiếp cận mới. Công tác xử lý nợ thuế được thực hiện linh hoạt, nhưng vẫn còn nhiều doanh nghiệp nợ kéo dài, chủ yếu là do các doanh nghiệp cố tình không hoàn thành nghĩa vụ thuế. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm mặc dù đảm bảo khách quan nhưng tỷ lệ vi phạm, nợ thuế vẫn còn ở mức cao, nhiều doanh nghiệp nhận thức được vấn đề nhưng chưa có các hành động cụ thể khắc phục. Giải pháp đề xuất như tăng cường công tác tuyên truyền; hoàn thiện đăng ký, kê khai thuế; cải thiện công tác quản lý nợ thuế; kiểm tra doanh nghiệp và nâng cao trình độ chuyên môn của công chức thuế.

Từ khóa: Thuế thu nhập doanh nghiệp, quản lý, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Management of Small and Medium-Sized Enterprise Income Tax in Bao Thang District, Lao Cai Province

ABSTRACT

The enterprise income tax plays a crucial role in the economic and social development of Bao Thang district. However, enterprise income tax management is grappling with several challenges, including the following: ineffective promotional campaigns, a high rate of tax finalization dossiers containing underreporting or incorrect declarations aimed at reducing or evading enterprise income tax, a concerning increase in the number of non-compliant enterprises, and a rising amount of outstanding enterprise income tax arrears. This study aimed to assess the status of managing small and medium-sized enterprise income tax, analyze influencing factors, and propose solutions to enhance the management of corporate income tax in Bao Thang district. The research involved a survey of 30 officials and leaders from the Tax Department and 60 small and medium-sized enterprises. Data were analyzed using descriptive and comparative statistical methods. The results indicate that from 2020 to 2022, outreach and support activities for taxpayers have improved, featuring diverse and practical content. Debt management for the corporate income tax was accurate and flexible, providing favorable conditions for business operations. Tax inspections were conducted timely and effectively, simultaneously identifying and addressing violations without encountering complaints or accusations related to corporate income tax. Proposed solutions include strengthening outreach efforts, refining tax registration and declaration processes, improving debt management practices, conducting thorough business inspections, and enhancing the professional competence of the tax officer team.

Keywords: Enterprise income tax, management, small and medium-sized enterprises.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đã được quy định thành Luật thuế TNDN năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2013, 2014) và văn bản hợp nhất số 14/VBHN-VPQH, ngày 15/7/2020 là văn bản thuế TNDN mới nhất hiện nay, đóng vai trò quan trọng trong tạo số thu lớn cho ngân sách, là công cụ để chính phủ điều tiết kinh tế vĩ mô, điều chỉnh hành vi của doanh nghiệp (Cần Mỹ Dung, 2022). Quản lý thuế TNDN đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội (Nguyễn Thị Kim Nhung & cs., 2021).

Trong công tác thuế TNDN thì quản lý, kiểm soát thuế nhằm tránh tình trạng gian lận thuế (Phạm Khánh Toàn, 2022), giảm thất thu thuế là rất quan trọng (Đặng Lan Anh & Nguyễn Thị Hồng, 2023). Quản lý thuế TNDN từ khâu đăng ký, kê khai, kiểm tra, thanh tra, thu nợ thuế tại doanh nghiệp nhỏ và vừa, để thu đúng, thu đủ và hạn chế hành vi tránh thuế, trốn thuế (Bùi Nguyên Khá & Hoàng Đình Dũng, 2022), tăng nguồn thu cho ngân sách (Hoàng Thị Hồng Hà, 2014; Lê Thị Bảo Như & cs., 2021). Để quản lý thuế TNDN tốt hơn, cần thiết phải quan tâm tới các yếu tố như chính sách, quy định về thuế TNDN, năng lực của lực lượng thực thi công vụ về thuế TNDN, sự tuân thủ quy định của doanh nghiệp (Kiều Ngọc Khanh, 2015; Nguyễn Tiến Thúc, 2015), ưu đãi của thuế TNDN (Phạm Thị Hiền Thảo, 2019; Hữu Trí, 2023).

Tại huyện Bảo Thắng, thuế TNDN có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Trong năm 2022, thuế TNDN chiếm 26% tổng số thu từ khu vực ngoài quốc doanh, chiếm 11% tổng thu ngân sách của Chi cục Thuế, phản ánh sự phát triển tích cực của hoạt động kinh doanh tại Bảo Thắng. Tuy nhiên, công tác quản lý thuế TNDN vẫn đang đối mặt với các vấn đề như công tác tuyên truyền còn hạn chế hình thức; số lượt hỗ trợ cho doanh nghiệp bằng văn bản còn thấp; tỷ lệ hồ sơ kê khai thiếu, phải điều chỉnh, hạch toán sai các khoản chi phí để giảm thuế và trốn thuế TNDN ngày càng phức tạp; tỷ lệ doanh nghiệp được

kiểm tra, thanh tra còn thấp; số lượng doanh nghiệp vi phạm và số tiền truy thu thuế TNDN qua các năm vẫn tăng. Do đó, nghiên cứu thực hiện nhằm đánh giá thực trạng, nguyên nhân các tồn tại trong công tác quản lý thuế TNDN, phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản lý TNDN.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Số liệu thứ cấp

Số liệu thứ cấp được thu thập bằng cách phối hợp, trao đổi với UBND, Chi cục Thống kê, Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng (sau đây gọi là Chi cục Thuế), bao gồm các tài liệu được sử dụng để phân tích số liệu như: Báo cáo kết quả kinh tế - xã hội của huyện hàng năm; Báo cáo thuế TNDN và quyết toán thuế TNDN qua các năm; Niên giám thống kê huyện Bảo Thắng và các số liệu về tình hình quản lý thuế từ Chi cục Thuế.

2.2. Số liệu sơ cấp

Số liệu sơ cấp thu thập thông qua khảo sát doanh nghiệp ngoài quốc doanh có trụ sở tại huyện Bảo Thắng. Quá trình khảo sát các doanh nghiệp được thực hiện thông qua gửi phiếu khảo sát đến doanh nghiệp, nghiên cứu sử dụng thông tin từ 60 doanh nghiệp được khảo sát, để đánh giá các vấn đề về công tác quản lý thuế TNDN. Thông qua kết quả ứng dụng phân tích thông tin rủi ro của người nộp thuế mà Chi cục Thuế đang sử dụng. Doanh nghiệp được lựa chọn có điểm rủi ro cao nhất về thuế và đã từng nợ thuế trong giai đoạn 2020-2022. Về công chức thuế tại Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng, nghiên cứu khảo sát 3 lãnh đạo Chi cục Thuế và 27 công chức thuế ở các đội có liên quan tới công tác quản lý thuế TNDN. Nội dung khảo sát công tác quản lý thuế TNDN như tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn DN; hồ sơ thuế; thanh, kiểm tra thuế; quản lý nợ thuế; xử lý vi phạm và yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thuế TNDN, tình hình hoạt động kinh doanh của DN.

2.3. Phân tích số liệu

Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để phân tích số liệu trung bình, cơ cấu các chỉ

tiêu, trong khi đó, phương pháp thống kê so sánh để tính toán tốc độ phát triển bình quân, nhằm xác định, so sánh xu hướng, mức độ biến động của các chỉ tiêu trong các công tác quản lý thuế TNDN qua các năm như hoạt động tuyên truyền; quản lý đăng ký, khai thuế, quản lý; thanh, kiểm tra thuế; quản lý nợ thuế và xử lý vi phạm.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại huyện Bảo Thắng

3.1.1. Khái quát về các doanh nghiệp

Theo Chi cục Thống kê, năm 2022, huyện Bảo Thắng có hơn 600 doanh nghiệp với các loại hình như công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân và hợp tác xã (HTX) (Bảng 1).

Số lượng doanh nghiệp tại Bảo Thắng có tốc độ tăng bình quân khoảng 7%/năm. Năm 2022, công ty TNHH chiếm tỷ lệ lớn (gần 50%), tiếp theo là công ty cổ phần (27%) và doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã chiếm khoảng 1/4 số lượng doanh nghiệp. Sự gia tăng này đặt ra đòi hỏi Chi cục Thuế phải tăng cường việc hỗ trợ, quản lý người nộp thuế trong thực hiện công tác quản lý thuế TNDN.

3.1.2. Công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế

Trong quản lý thuế TNDN, công tác tuyên truyền được thực hiện thông qua truyền hình tăng nhanh qua các năm so với hình thức phát

thanh, đăng bài trên báo in; công tác hỗ trợ doanh nghiệp bằng văn bản cũng tăng nhanh, nhưng số lượng còn thấp. Tuy nhiên, doanh nghiệp theo dõi thông tin tuyên truyền qua các hình thức trên vẫn còn hạn chế, trong khi đó, hệ thống thuế đã có phần etax mobile nhưng chưa được công bố (thời điểm năm 2022) và cơ quan thuế vẫn đang thực hiện việc chuyển đổi lên các ứng dụng di động (Bảng 2).

Tần suất tuyên truyền về pháp luật thuế TNDN tại Bảo Thắng đang được đánh giá nghiêng về mức trung bình cho cả hai nhóm đối tượng khảo sát, số ý kiến đánh giá ở tần suất mức cao vẫn chiếm tỷ lệ thấp. Hiệu quả từ việc tuyên truyền ở mức trung bình chiếm tỉ lệ cao. Nguyên nhân xuất phát từ nguồn lực có hạn nên gặp nhiều khó khăn khi tổ chức, thực hiện các chương trình giữa Chi cục Thuế với các cơ quan báo, đài ở địa phương. Đồng thời, các buổi đối thoại chuyên đề còn ít, các thủ tục, văn bản về thuế thường thay đổi, sớm có hiệu lực thi hành nên quá trình tuyên truyền hỗ trợ đôi lúc còn chưa kịp thời. Đội ngũ nhân lực để bố trí công tác tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp vẫn chưa được chuyên nghiệp hóa, còn đảm nhận nhiều công việc khác nhau nên hiệu quả tuyên truyền chưa cao. Kết quả nghiên cứu kể trên cũng tương đồng với nghiên cứu của Huỳnh Văn Nguyên (2022), công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế đã đạt được kết quả nhất định, nội dung đa dạng, nhiều hình thức, tuy nhiên cơ quan thuế vẫn còn gặp khó khăn trong phối hợp với các đơn vị, cơ quan truyền thông khác (Nguyễn Thị Đức Loan, 2022).

Bảng 1. Số lượng doanh nghiệp phân theo loại hình tại huyện Bảo Thắng, giai đoạn 2020-2022

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		So sánh (%)		
	Số lượng (DN)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (DN)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (DN)	Tỷ lệ (%)	2021/2020	2022/2021	Bình quân
Công ty TNHH	299	51,64	311	50,49	320	48,12	104,01	102,89	103,45
Công ty cổ phần	150	25,91	162	26,30	180	27,07	108,00	111,11	109,54
DN tư nhân	85	14,68	94	15,26	112	16,84	110,59	119,15	114,79
HTX	45	7,77	49	7,95	53	7,97	108,89	108,16	108,53
Tổng số	579	100	616	100	665	100	106,39	107,95	107,17

Nguồn: Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng (2020-2022).

Bảng 2. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế tại huyện Bảo Thắng, giai đoạn 2020-2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	So sánh (%)		
					2021/ 2020	2022/2021	Bình quân
Công tác tuyên truyền							
Số buổi phát hình	Buổi	18	29	32	161,11	110,34	133,33
Số buổi phát thanh	Buổi	90	96	100	106,67	104,17	105,41
Số bài đăng trên báo	Bài	2	3	3	150,00	100,00	122,47
Số biển quảng cáo, pa nô	Biển	28	40	42	142,86	105,00	122,47
Hỗ trợ người nộp thuế							
Trả lời bằng điện thoại	Lượt	1.250	1.340	1.466	107,20	109,40	108,30
Trả lời trực tiếp		1.120	1.190	1.350	106,25	113,45	109,79
Trả lời bằng văn bản		24	26	57	108,33	219,23	154,11

Nguồn: Chi cục thuế huyện Bảo Thắng (2020-2022).

Bảng 3. Đánh giá về công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế tại huyện Bảo Thắng (năm 2022)

Chỉ tiêu	Doanh nghiệp (n = 60)		Cán bộ quản lý thuế (n = 30)	
	Số lượng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
Tần suất tuyên truyền				
Cao	10	16,67	8	26,67
Trung bình	25	41,67	12	40,00
Thấp	25	41,67	10	33,33
Nội dung tuyên truyền				
Rất rõ ràng dễ hiểu	15	25,00	15	50,00
Khá rõ ràng dễ hiểu	20	33,33	10	33,33
Chấp nhận được	25	41,67	5	16,67
Hiệu quả tuyên truyền				
Tốt	20	33,33	15	50,00
Trung bình	30	50,00	10	33,33
Chưa tốt	10	16,67	5	16,67

3.1.3. Quản lý đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế

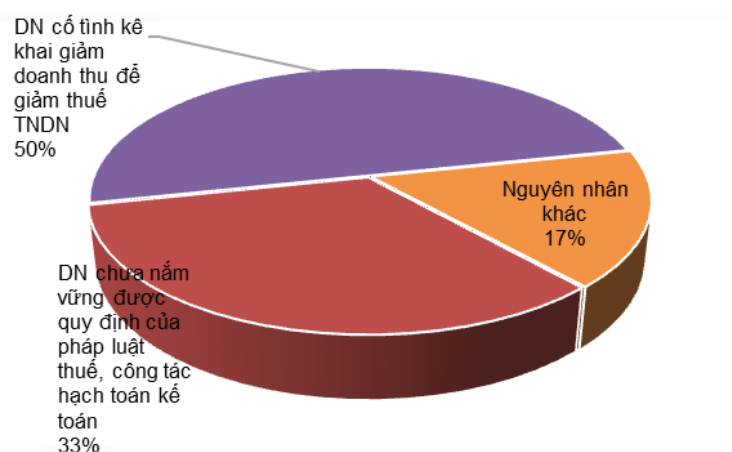
Kết quả phỏng vấn sâu các cán bộ của Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng cho thấy, chi cục thời gian qua đã hiện đại hóa công tác quản lý, cấp mã số thuế, kê khai thuế và theo dõi đối tượng nộp thuế thông qua ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng dẫn của Cục Thuế tỉnh Lào Cai. Đồng thời, kiểm tra thường xuyên để phát hiện các trường hợp kinh doanh không đăng ký hoặc không kê khai thuế (Bảng 4).

Từ năm 2015, chi cục triển khai kê khai thuế qua mạng internet, giúp việc kê khai nhanh chóng, chính xác. Tổng hợp về nộp hồ sơ khai thuế TNDN tại huyện Bảo Thắng, cho thấy tỷ lệ nộp tờ khai rất cao (99%) thể hiện ý thức tự giác của doanh nghiệp về việc nộp tờ khai thuế. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Loan & Trịnh Thị Hoa (2021), khi ứng dụng các công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật đã tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp và cơ quan thuế trong việc kê khai quyết toán thuế TNDN.

Bảng 4. Tình hình nộp hồ sơ thuế TNDN của các doanh nghiệp tại huyện Bảo Thắng, giai đoạn 2020 - 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	So sánh (%)		
					2021/2020	2022/2021	Bình quân
Số doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế TNDN	Doanh nghiệp	579	616	665	106,39	107,95	107,17
Số doanh nghiệp đã nộp tờ khai thuế TNDN	Doanh nghiệp	569	608	659	106,85	108,39	107,62
Số doanh nghiệp không nộp tờ khai thuế TNDN	Doanh nghiệp	10	8	6	80,00	75,00	77,46
Tỷ lệ doanh nghiệp nộp tờ khai	%	98,27	98,70	99,10	100,44	100,40	100,42
Số doanh nghiệp nộp tờ khai thuế TNDN đúng hạn	Doanh nghiệp	524	568	624	108,40	109,86	109,13
Số doanh nghiệp nộp chậm tờ khai	Doanh nghiệp	45	40	35	88,89	87,50	88,19
Tỷ lệ doanh nghiệp nộp tờ khai đúng hạn	%	92,09	93,42	94,69	101,44	101,36	101,40
Số doanh nghiệp có tờ khai thuế TNDN có lỗi, phải điều chỉnh	Doanh nghiệp	57	43	69	75,44	160,47	110,02

Nguồn: Chi cục thuế huyện Bảo Thắng (2020-2022).



Hình 1. Đánh giá của công chức thuế về nguyên nhân của tình trạng doanh nghiệp kê khai thiếu, bỏ sót những khoản đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu

Công chức thuế cho biết, nguyên nhân chiếm tỷ lệ cao khiến doanh nghiệp kê khai thiếu hoặc phải khai lại tờ khai thuế TNDN là do ý định của doanh nghiệp trong kê khai các khoản thu, chi (Hình 1). Một số doanh nghiệp thuê một người kế toán làm nhiều doanh nghiệp, kế toán thiếu kinh nghiệm, gây chậm trễ, sai sót tờ khai quyết toán thuế TNDN. Lý do khác nữa là doanh nghiệp còn hạn chế sự hiểu biết về các quy định thuế và trong việc xác định doanh thu, chi phí liên quan đến thuế TNDN, vi phạm về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng. Kết quả tương đồng với nghiên cứu bởi Lê Thị Thanh Mỹ & Nguyễn Công Trứ

(2019), khi sự tuân thủ của người nộp thuế càng cao thì khả năng xảy ra gian lận thuế càng giảm và chất lượng kiểm soát thuế TNDN tăng lên.

3.1.4. Công tác thanh tra thuế, kiểm tra thuế

Công tác kiểm tra thuế TNDN tại Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng được thực thi theo Luật Quản lý Thuế và Quy trình kiểm tra theo Quyết định 746/QĐ-TCT, ngày 20/4/2015, của Tổng cục Thuế. Hiện nay, có 2 đội kiểm tra với 29 cán bộ, mỗi đội có một đội trưởng và ba đội phó, thành lập 9 đoàn kiểm tra ở hai đội, với hai hình thức kiểm tra: tại trụ sở cơ quan thuế và tại trụ sở người nộp thuế.

Trong giai đoạn 2020-2022, tỷ lệ doanh nghiệp được kiểm tra thuế chiếm tỉ lệ thấp (khoảng 11% tổng số doanh nghiệp). Việc lựa chọn các doanh nghiệp để kiểm tra dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin phân tích thông tin rủi ro của người nộp thuế để xác định điểm rủi ro về thuế của doanh nghiệp và cho thấy công tác lập kế hoạch đối tượng để kiểm tra được lựa chọn tương đối chính xác, kết quả chỉ ra hơn 82% doanh nghiệp có vi phạm trong tổng số doanh nghiệp được kiểm tra. Nguyên nhân cho tỷ lệ cao này là do lựa chọn doanh nghiệp kiểm tra từ kết quả phần mềm phân tích rủi ro về thuế của người nộp thuế, kết hợp với lựa chọn doanh nghiệp từ quản lý thực tế tại địa bàn là các doanh nghiệp có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế, khai sai số thuế phải nộp, nhiều năm chưa được kiểm tra.

Bảng 6 cho thấy, tỷ lệ thuế TNDN được truy thu so với tổng số tiền thuế truy thu chiếm tỷ lệ khá cao, mức truy thu thuế TNDN tăng bình quân đạt 124,16%/năm. Trong quá trình kiểm tra, doanh nghiệp kê khai doanh thu thấp hơn doanh thu thực tế kinh doanh hoặc kê khai chi phí cao hơn thực tế kinh doanh. Kết quả về mức tăng này cũng đã được khẳng định bởi nghiên cứu của Đặng Thị Thanh Bình & Phan Thị Phương Thảo (2019), khi sai phạm và sai lệch thuế của doanh nghiệp vẫn cao qua các cuộc thanh tra và tác giả Nguyễn Đình Chiến & Trương Hồng Quang (2020) cũng chỉ ra, khi tiền thuế TNDN phải nộp sau một cuộc kiểm tra các doanh nghiệp tăng nhanh qua các năm ở cả tiêu chí truy thu và xử phạt.

Khảo sát cho thấy công chức thuế và doanh nghiệp đánh giá tốt công tác thanh tra và kiểm tra thuế tại huyện Bảo Thắng, luôn đảm bảo nguyên tắc trung thực, chính xác, minh bạch, khách quan trong quá trình phát hiện, xử lý các vi phạm của DN. Chỉ một số ít doanh nghiệp cho rằng công tác này chưa tốt, do doanh nghiệp chưa hiểu rõ quy định về thuế TNDN, thuế giá trị gia tăng và luật doanh nghiệp và các quy định thuế với quy định kế toán trong xác định các loại chi phí, doanh thu dẫn tới cho rằng quy trình thanh tra, xử lý vi phạm của cơ quan thuế chưa tốt, gây mất thời gian cho doanh nghiệp.

3.1.5. Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi cục đã triển khai các biện pháp quản lý nợ thuế để thu hồi ngân sách và giảm số nợ mới. Chi cục thực hiện giao chỉ tiêu nợ, rà soát, phân loại nợ và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế xử lý nợ thuế. Chi cục tăng cường việc giải thích, nhắc nhở doanh nghiệp về nghĩa vụ thuế, áp dụng các biện pháp chế tài mạnh để hạn chế nợ và sử dụng phần mềm quản lý nợ thuế trong công tác theo dõi nợ thuế.

Kết quả bảng 7 cho thấy, số doanh nghiệp nợ thuế TNDN giảm dần, trung bình 10%/năm và số thuế TNDN nợ cũng có xu hướng giảm qua các năm. Kết quả này có được do nhiều biện pháp đã thực hiện đồng thời như giấy mời và điện thoại và trực tiếp, ban hành thông báo nợ thuế, quyết định cưỡng chế tài khoản ngân hàng, thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng tới doanh nghiệp và đồng thời phối hợp với ngân hàng trong thực hiện thu nợ thuế TNDN.

Bảng 5. Công tác kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp tại huyện Bảo Thắng, giai đoạn 2020-2022

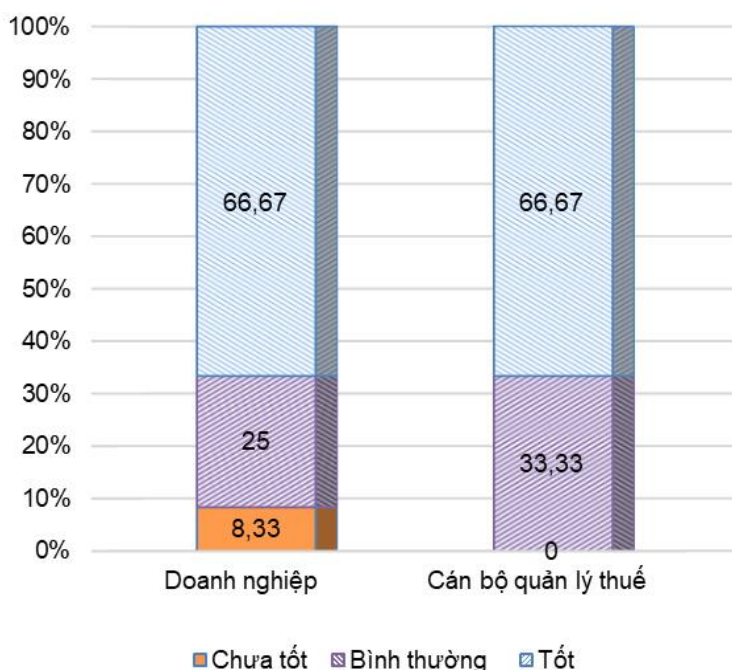
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	So sánh (%)		
					2021/2020	2022/2021	Bình quân
Tổng số doanh nghiệp	Doanh nghiệp	579	616	665	106,39	107,95	107,17
Số doanh nghiệp được kiểm tra	Doanh nghiệp	75	82	91	109,33	110,98	110,15
Số doanh nghiệp vi phạm	Doanh nghiệp	67	72	75	107,46	104,17	105,80
Tỷ lệ doanh nghiệp được kiểm tra	%	11,57	11,69	11,28	101,04	96,49	98,74
Tỷ lệ doanh nghiệp vi phạm so với doanh nghiệp được kiểm tra	%	89,33	87,80	82,42	98,29	93,87	96,05

Nguồn: Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng (2020-2022).

Bảng 6. Kết quả kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp tại huyện Bảo Thắng, giai đoạn 2020-2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	So sánh (%)		
					2021/2020	2022/2021	Bình quân
Tổng số tiền thuế được truy thu	Triệu đồng	983,65	1.009,05	1.400,23	102,58	138,77	119,31
Trong đó thuế TNDN được truy thu	Triệu đồng	573,63	646,70	884,23	112,74	136,73	124,16
Tỷ lệ thuế TNDN được truy thu	%	58,32	64,09	63,15	109,90	98,53	104,06

Nguồn: Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng (2020-2022).

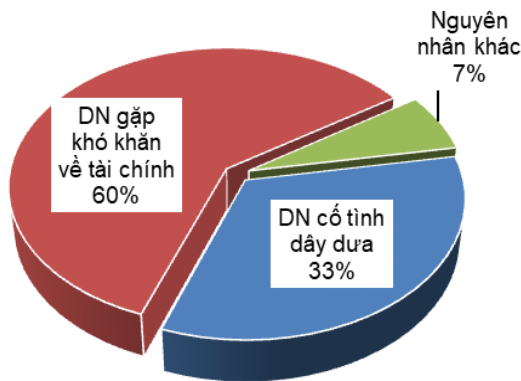


Hình 2. Đánh giá về công tác thanh tra thuế, kiểm tra thuế (năm 2022)

Bảng 7. Tình hình quản lý nợ thuế thu nhập doanh nghiệp tại huyện Bảo Thắng, giai đoạn 2020-2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	So sánh (%)		
					2021/2020	2022/2021	Bình quân
Số doanh nghiệp nợ thuế TNDN	Doanh nghiệp	55	50	45	90,91	90,00	90,45
Số thuế TNDN nợ	Triệu đồng	255	225	183	88,24	81,33	84,71
Nợ thuế TNDN có khả năng thu	Triệu đồng	231	120	111	51,95	92,50	69,32
Nợ thuế TNDN không có khả năng thu	Triệu đồng	24	105	76	437,50	72,38	177,95
Số thuế TNDN nợ đã thu trong năm	Triệu đồng	119	145	236	121,85	162,76	140,83
Tỷ lệ nợ thuế TNDN trên tổng số thu ngân sách	%	0,6	0,4	0,3	66,67	75,00	70,71
Tỷ lệ nợ thuế TNDN trên số thu thuế TNDN	%	1,9	1,5	1	78,95	66,67	72,55

Nguồn: Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng (2020-2022).



Hình 3. Đánh giá của công chức thuế về nguyên nhân doanh nghiệp nợ thuế thu nhập doanh nghiệp (năm 2022)

Bảng 8. Kết quả xử lý vi phạm pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế huyện Bảo Thắng

Năm	Xử lý vi phạm pháp luật qua công tác kê khai thuế TNDN						Xử lý vi phạm pháp luật qua công tác kiểm tra thuế TNDN		
	Số lượt xử lý vi phạm về thuế TNDN	Số DN vi phạm	Hình thức xử phạt				Tổng số tiền phạt nộp vào NSNN (Tr.đ)	Số doanh nghiệp vi phạm	Truy thu thuế TNDN (Tr.đ)
			Hình thức cảnh cáo	Hình thức phạt tiền	Số lượt	Tỷ lệ (%)			
2020	30	25	10	33,33	20	66,67	115	67	573,63
2021	17	15	12	70,59	5	29,41	102	72	646,70
2022	15	14	9	60,00	6	40,00	90	75	884,23
Cộng	62	54	31	50,00	31	50,00	307	214	2.104,56

Nguồn: Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng (2020-2022).

Hình 3 cho thấy, công chức thuế đánh giá nguyên nhân chính của nợ thuế TNDN là doanh nghiệp gặp khó khăn trong tài chính, do hạn chế của kế toán viên về khai thiếu, khai sai các khoản thu, chi dẫn tới thiếu số thuế phải nộp. Ý thức chấp hành nộp thuế của một số doanh nghiệp còn thấp, dẫn tới “chiếm dụng” tiền thuế để tiếp tục đầu tư sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp mới hoạt động, doanh nghiệp đang gặp vấn đề về vốn kinh doanh. Các nguyên nhân này cũng được khẳng định từ nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Diệp & Nguyễn Huy Hoàng (2021) và tương đồng với nghiên cứu của Huỳnh Văn Nguyên (2022) về nguyên nhân nợ thuế.

Về đánh giá về công tác quản lý nợ thuế TNDN từ công chức thuế và doanh nghiệp đều đạt mức tốt (66,67% ý kiến được hỏi). Doanh nghiệp nợ thuế chưa kịp trả đúng hạn được công chức thuế tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc, để doanh

nh nghiệp từng bước hoàn thành nghĩa vụ thuế. Chi cục Thuế ưu tiên xử lý các khoản nợ quá hạn kéo dài, các doanh nghiệp có hiện tượng cố tình không nộp, không phối hợp cùng với các bộ phận của chi cục sẽ bị cưỡng chế nợ thuế theo quy định. Điều này phù hợp kết quả của Nguyễn Thị Kim Nhung & cs. (2021), công tác giải quyết các khoản nợ chờ xử lý, chờ điều chỉnh đã được đơn vị quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế phối hợp với đơn vị nghiệp vụ khác trong rà soát, đối chiếu, xử lý kịp thời nên số nợ thuế chiếm tỷ trọng giảm dần trong tổng nợ.

3.1.6. Xử lý vi phạm về thuế thu nhập doanh nghiệp và kết quả thu thuế thu nhập doanh nghiệp

Việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp thông qua xử phạt bằng tiền có xu hướng giảm dần, thay vào đó, hình thức cảnh cáo đang tăng dần qua các năm.

Công tác kiểm tra thuế TNDN đã phát hiện vi phạm của tới 214 doanh nghiệp trong giai đoạn này, với số tiền truy thu thuế TNDN là 2.104 triệu đồng (Bảng 8). Về kết quả truy thu thuế TNDN trên địa bàn huyện Bảo Thắng tăng qua các năm, cho thấy, mặc dù ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp không cao, báo cáo số liệu không trung thực, tình trạng chây ì nộp thuế, nhưng công chức thuế đã chủ động đôn đốc các doanh nghiệp trong phạm vi quản lý, liên tục theo dõi tình hình thu nộp, kiên quyết áp dụng đầy đủ, quyết liệt các chế tài trong công tác xử lý các khoản nợ đọng thuế; phát hiện các khoản doanh thu còn khai thiếu, điều chỉnh các khoản chi phí, hạch toán khấu hao theo đúng quy định. Do đó, số thuế TNDN thu được bởi Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng năm sau luôn cao hơn so với năm trước.

3.2. Yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại huyện Bảo Thắng

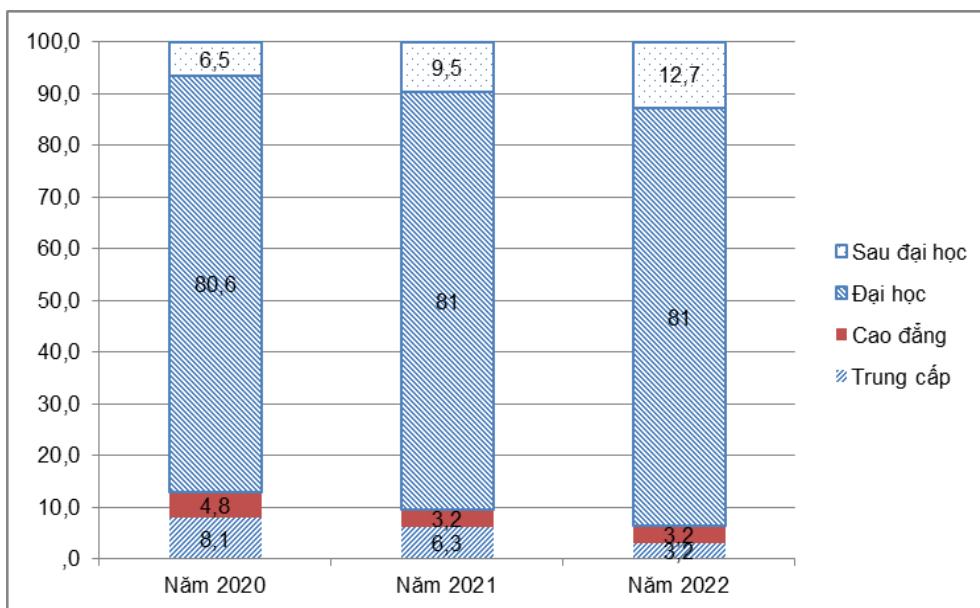
3.2.1. Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế và thuế TNDN hiện nay tương đối hoàn thiện. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng nhiều quy định vẫn còn chồng chéo, chưa tương thích với luật thuế giá trị gia tăng, luật doanh nghiệp, có thể kể đến như xác định các khoản chi phí

được khấu trừ thuế TNDN, tuy nhiên hệ thống các văn bản vẫn chưa quy định chi tiết, rõ ràng về điều kiện để xác định chi phí được khấu trừ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Luật thuế TNDN đã trải qua nhiều sửa đổi nhằm tối ưu hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp, nhưng việc thường xuyên sửa đổi cũng gây ra khó khăn trong việc áp dụng và quản lý thuế cho doanh nghiệp, tương đồng với kết quả nghiên cứu bởi Trần Linh Huân & Phạm Thị Hồng Tâm (2023).

3.2.2. Năng lực, trình độ của cán bộ quản lý thuế

Đến tháng 12/2022, Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng có 63 cán bộ, với tỷ lệ công chức có trình độ đại học đạt 81% vào năm 2022. Tỷ lệ số lượng cán bộ có trình độ sau đại học đang tăng lên, đạt 12,7% năm 2022. Một số cán bộ đang tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn qua các chương trình đào tạo sau đại học, là nguồn nhân lực chất lượng cao trong việc tăng kết quả quản lý nhà nước về công tác thuế TNDN. Trình độ chuyên môn của công chức thuế ngày càng được nâng cao, tác động tích cực đến kết quả thực hiện quản lý thuế TNDN trên địa bàn. Chuyên môn, nghiệp vụ được nâng cao, cho phép cán bộ giải quyết các tình huống hiệu quả hơn, góp phần tăng doanh thu thuế, vượt kế hoạch đề ra.



Hình 4. Tỷ lệ theo trình độ học vấn của công chức thuế tại chi cục (%)

Bảng 9. Đánh giá từ phía công chức thuế về sự chấp hành của doanh nghiệp với thuế TNDN (năm 2022)

Chỉ tiêu	Cán bộ quản lý thuế (n = 30)	
	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
Tốt	15	50,00
Bình thường	10	33,33
Chưa tốt	5	16,67

3.2.3. Sự chấp hành của doanh nghiệp

Nhận định hình phạt xử lý vi phạm thuế hiện nay chưa đủ tính răn đe doanh nghiệp vi phạm. Số trường hợp vi phạm vẫn gia tăng, thậm chí ngày càng tinh vi hơn, như vậy chứng tỏ các hình phạt đưa ra chưa khiến doanh nghiệp lo sợ. Khi chưa đủ tính răn đe thì sự chấp hành luật thuế và sự phối hợp trong kiểm tra thuế của các doanh nghiệp sẽ kém hơn.

Cán bộ quản lý thuế cho thấy vẫn còn doanh nghiệp nhận thức về thuế TNDN chưa tốt, hiểu biết về pháp luật thuế chưa đầy đủ, không hiểu rõ các quy định khi kê khai thuế TNDN. Một số doanh nghiệp không tổ chức bộ máy kế toán, mà chỉ đi thuê kế toán theo vụ việc, ghi chép và hạch toán theo ý chủ quan của doanh nghiệp. Đồng thời, ý thức tiêu dùng chưa cao với việc lấy hóa đơn, sai phạm trong vấn đề quản lý, sử dụng hóa đơn. Như vậy, nhận thức, am hiểu về pháp luật thuế và sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp (Phạm Thị Phương Thảo, 2022) đóng vai trò quan trọng trong thực hiện quản lý và thu thuế TNDN tại địa phương.

3.3. Một số giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn huyện Bảo Thắng

3.3.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế là ưu tiên hàng đầu của Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng. Để tăng cường ý thức của doanh nghiệp về thuế TNDN, cần đẩy mạnh thay đổi các hình thức tuyên truyền, đa dạng hóa hình thức hỏi đáp, cách giải quyết một số tình huống cụ thể. Bên cạnh việc hỗ trợ doanh nghiệp như tập huấn, đối thoại, trao đổi trực tiếp, cần có quản lý, hướng dẫn doanh nghiệp

thông qua ứng dụng phần mềm quản lý thuế nhất là trong thời gian lập hồ sơ quyết toán thuế, giúp doanh nghiệp hiểu rõ về quy định, để đảm bảo việc kê khai đúng hạn và giảm tình trạng sai sót trong nộp hồ sơ khai thuế.

3.3.2. Nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức thuế

Các đội trong Chi cục Thuế tăng cường sự liên kết hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc, tránh xảy ra hiện tượng lặp lại quy trình, gây lãng phí nguồn lực. Khuyến khích công chức thuế tìm hiểu những quy định, điểm mới trong các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành, thường xuyên tổ chức các cuộc thi về pháp luật theo chủ đề nhất định trong một chi cục hoặc giữa các chi cục với nhau, từ đó tạo được phong trào học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức thuế và tập huấn kỹ năng sư phạm để nâng cao chất lượng công tác tập huấn cho DN.

3.3.3. Tăng cường công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế

Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng cần thực hiện chặt chẽ công tác thẩm định, quản lý rủi ro trong các khâu, tăng số lượng doanh nghiệp được kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, để tăng cường quản lý thuế TNDN và kịp thời phát hiện các sai sót. Đồng thời, cập nhật sổ tay kiểm tra để ghi chép những trường hợp có tỷ lệ thu nhập chịu thuế trên doanh thu thấp, kiểm tra các doanh nghiệp có số thu lớn.

4. KẾT LUẬN

Tình hình thực hiện công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng đã đạt được những thành quả đáng kể, số thu năm sau cao hơn năm trước. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn đối với doanh nghiệp còn chưa đạt

được yêu cầu thực tế, chưa có nhiều biện pháp tuyên truyền phù hợp, có hiệu quả. Tình trạng doanh nghiệp kê khai lỗi, kê khai thiếu vẫn diễn ra phổ biến. Công tác kiểm tra thuế phát hiện tỉ lệ vi phạm còn cao. Công tác quản lý nợ thuế TNDN đã trở nên chính xác, linh hoạt, hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vẫn còn tình trạng nợ thuế không có khả năng thu vẫn có xu hướng tăng. Những hạn chế này xuất phát từ các chính sách, quy định về thuế TNDN còn chồng chéo, năng lực hướng dẫn, phối hợp chuyên môn của công chức thuế còn hạn chế và sự hiểu biết, ý thức chấp hành quy định về thuế, về công tác kế toán của doanh nghiệp chưa cao. Để hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN, Chi cục Thuế huyện Bảo Thắng cần tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người nộp thuế, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức thuế, tăng tỉ lệ kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế. Một số gợi ý cho các nghiên cứu tiếp theo về công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp như tăng số lượng mẫu khảo sát, sử dụng thang đo để đánh giá mức độ thực hiện của các tiêu chí, sử dụng thêm các phương pháp kiểm định để so sánh giữa ý kiến đánh giá của công chức thuế và doanh nghiệp về các tiêu chí quản lý thuế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Nguyên Khá & Dũng Hoàng Đình (2022). Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tránh thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp tại Việt Nam. *Tạp chí Công thương*. 18: 173-179.
- Cán Mỹ Dung (2022). Các yếu tố ảnh hưởng đến chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp. *Tạp chí Tài chính*. 782: 85-87.
- Đặng Lan Anh & Hồng Nguyễn Thị (2023). Hoàn thiện kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán*. 8: 47-54.
- Đặng Thị Thanh Bình & Thảo Phan Thị Phương (2019). Nâng cao chất lượng quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp ở Hà Tĩnh. *Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Hà Tĩnh)*. 16: 36-45.
- Hoàng Thị Hồng Hà (2014). Huyện Nam Đàn hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh. *Tạp chí Công thương*. 5: 62-63.
- Hữu Trí (2023). Pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. *Tạp chí Công thương*. 3: 26-31.
- Huỳnh Văn Nguyên (2022). Giải pháp tăng cường công tác quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa

- bàn huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Công thương*. 24: 322-327.
- Kiều Ngọc Khanh (2015). Tăng cường quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khu vực ngoài quốc doanh trên địa bàn quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. *Tạp chí Giáo dục lý luận*. 238: 75-76.
- Lê Thị Bảo Như, Nguyễn Thị Thu Hào & Hạnh Nguyễn Thị Hồng (2021). Các yếu tố tác động đến sự tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp tại các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. *Phát triển Khoa học & Công nghệ: Khoa học - Kinh tế - Luật và Khoa học Quản lý (ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)*. 2: 1576-1588.
- Lê Thị Thanh Mỹ & Trứ Nguyễn Công (2019). Các nhân tố tác động đến kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại cơ quan thuế - Nghiên cứu trường hợp điển hình tại cục thuế tỉnh Bình Định. *Tạp chí Tài Chính - Quản trị kinh doanh*. 15: 46-52.
- Nguyễn Đình Chiến & Quang Trương Hồng (2020). Tình hình thực hiện Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp tại các DNNVV trên địa bàn huyện A Lưới. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*. 16: 107-109.
- Nguyễn Thị Đức Loan (2022). Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. *Tạp chí Công thương*. 2(350-355).
- Nguyễn Thị Kim Nhung, Nguyễn Thị Linh Trang & Hoài Lê Thu (2021). Tăng cường kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. *Tạp chí Kinh tế & Quản trị kinh doanh*. 17: 91-99.
- Nguyễn Thị Loan & Hoa Trịnh Thị (2021). Công tác kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp tại chi cục thuế khu vực thành phố Sầm Sơn - Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. *Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Hồng Đức)*. 53: 47-56.
- Nguyễn Thị Ngọc Diệp & Hoàng Nguyễn Huy (2021). Các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa. *Tạp chí Công thương*. 6: 234-239.
- Nguyễn Tiến Thức (2015). Các yếu tố tác động đến sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*. 3: 36-44.
- Phạm Khánh Toàn (2022). Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp: Thực trạng và kiến nghị. *Tạp chí Tài Chính*. 784: 44-48.
- Phạm Thị Hiền Thảo (2019). Hoàn thiện quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. *Tạp chí Tài chính*.
- Phạm Thị Phương Thảo (2022). Nhận diện các nhân tố tác động đến tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp từ mô hình rắn đe kinh tế. *Tạp chí Công thương*. 17: 310-315.
- Trần Linh Huân & Tâm Phạm Thị Hồng (2023). Thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp thuộc khối tư nhân trong bối cảnh hậu đại dịch Covid-19. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*. 142: 124-128.